

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 117/2021/HS-ST

Ngày 17 -8-2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Luyện

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Đỗ Văn Ngôn

Ông Nguyễn Ngọc Vân

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Ong Văn Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2021/HSST ngày 09 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/HSST-QĐ ngày 02/8/2021 đối với bị cáo:

**1. Họ và tên:** Nguyễn Xuân H, sinh năm 1989; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Thôn QB, xã QC, huyện VY, tỉnh BG;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn 09/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông: Nguyễn Xuân B và bà Nguyễn Thị H; có vợ: Nguyễn Thị H và 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

**2. Họ và tên:** Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Thôn TL, xã TS, huyện VY, tỉnh BG;

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn 09/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông: Nguyễn Thanh T và bà D Thị Đ; có vợ: Đoàn Thị H và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2020 đến ngày 11/02/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn “*Bảo lĩnh*”. (Có mặt)

*Bị hại:*

Chị Triệu Thị H, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã ĐL, thành phố HL, tỉnh QN

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Kim T, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: NN, xã NS, huyện VY, tỉnh BG

2. Anh Trần Hùng D, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: NN, xã NS, huyện VY, tỉnh BG

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: QB, xã QC, huyện VY, tỉnh BG

4. Chị Nguyễn Thị Thủy, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: GS, xã NS, huyện VY, tỉnh BG

5. Lê Thị H, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phố 1, phường TD, thành phố TH, tỉnh TH.

6. Phạm Văn K, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐN, xã PTh, thị xã PY, tỉnh TN

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 10/10/2020, Nguyễn Xuân H, sinh năm 1989 ở Thôn QB, xã QC, huyện VY, tỉnh BG đến phòng số 103 nhà nghỉ 88 của gia đình anh Đỗ Văn B, sinh năm 1988 ở tổ dân phố Ninh Khánh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, mục đích đến gặp bạn gái tên là Quỳnh, sinh năm 1992 (H khai không nhớ họ, tên đệm, địa chỉ cụ thể). Tại đây, H và Q gặp nhau khoảng 30 phút thì H nhận được tin nhắn của Trần Hùng D, sinh năm 1977 ở thôn NN, xã NS, huyện VY, tỉnh BG bảo H xuống sảnh nhờ chút việc. Khi H đi xuống sảnh nhà nghỉ thì nhìn thấy một người bạn gái khác tên Thu, sinh năm 1992, quê ở Nghệ An (H khai không nhớ họ, tên đệm, địa chỉ cụ thể) đến nhà nghỉ 88, sợ Thu phát hiện, H đã đi vào nhà nghỉ, lên tầng 3 trốn tại phòng 301 (H khai phòng chưa có khách, nên không khóa cửa). Sau đó, H ở lại phòng 301 đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, thì có chị Triệu Thị H, sinh năm 1991 thôn Đồng Quặng, xã Đồng Lâm, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và chồng là người Trung Quốc đến thuê phòng ngủ. Khi chị Hà và chồng vào phòng, H sợ bị phát hiện nên đã trốn vào phía sau chiếc rèm cửa sổ của căn phòng này. Đến khoảng 01 giờ ngày 11/10/2020, chị Triệu Thị H và chồng ngủ say, H ra khỏi vị trí ẩn nấp thì quan sát thấy tại đầu giường ngủ có 01 túi xách nữ màu xanh, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu

iPhone 7 plus 32GB và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 4 nên đã nảy sinh ý định trộm cắp những tài sản này của chị Hà. Thực hiện ý định, H đi đến đầu giường dùng tay trộm cắp chiếc túi xách và 02 chiếc điện thoại của chị Hà, rồi đi ra khỏi nhà nghỉ. Khi ra khỏi nhà nghỉ, H gọi điện nhờ Nguyễn Kim T, sinh năm 1998 ở thôn NN, xã NS, huyện VY, tỉnh BG đến đón về nhà D. Khi đến nơi, H và T đi vào gian bếp của nhà D thì gặp D ở đó. Tại đây, H kiểm tra túi xách rồi nói cho D biết là đã trộm cắp được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 plus 32GB; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 4 và 01 chiếc túi xách, trong túi có thẻ ATM, căn cước công dân mang tên Triệu Thị H và số tiền 1.000.000 đồng. Nghe H nói vậy, D hỏi H lý do tại sao lại lấy trộm rồi bỏ đi đâu không rõ (H khai: khi H và D trao đổi, T ngồi chơi điện thoại không nói gì). Một lúc sau D về hỏi H về số tài sản trộm cắp, đồng thời bảo H kiểm tra tài khoản ngân hàng của chị Hà xem có tiền không. Nghe D nói vậy, H kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 4 của chị Hà thì thấy máy không có sim, còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 plus 32GB được khóa bảo mật bằng mật khẩu. Do vậy, H tháo chiếc sim 0369255588 từ chiếc điện thoại iPhone 7 plus trộm cắp được của chị Hà ra, lắp vào điện thoại đen trắng của mình và soạn tin nhắn “SD” gửi đến tổng đài 6167 của Ngân hàng Vietcombank thì nhận được tin nhắn thông báo là trong tài khoản của chị Hà có số tiền là 200.000.000 đồng, nên H thông báo cho D và T biết. Lúc này, D hỏi H là có cách nào rút tiền không, thì H trả lời là có, rồi mượn chiếc điện thoại di động Oppo màu đỏ của D có lắp sim số 0344171913 để thực hiện việc chuyển tiền. D đồng ý đưa cho H chiếc điện thoại Oppo của mình rồi bỏ đi đâu không rõ. Sau đó, H sử dụng chiếc điện thoại Oppo mượn của D, nhập số điện thoại 0369255588 để đăng nhập vào tài khoản ví Momo đã được cài sẵn trong máy. Sau khi nhận được tin nhắn chứa mã xác thực OTP, H nhập mã xác thực này để hoàn thành quá trình đăng nhập ví Momo. Đăng nhập thành công, H vào ứng dụng “Nạp tiền” của ví điện tử, sử dụng thông tin trên thẻ căn cước công dân và thẻ ATM ngân hàng Vietcombank của chị Hà để liên kết với ví điện tử Momo với tài khoản ngân hàng của chị Hà. Sau khi liên kết thành công, H đã chuyển thành công số tiền 2.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Vietcombank của chị Hà vào ví Momo do H đăng ký (H khai chuyển 02 lần, mỗi lần là 1.000.000 đồng), thì hết hạn mức chuyển tiền. Do không tiếp tục chuyển được tiền, H đã nạp số tiền 2.000.000 đồng chiếm đoạt được vào tài khoản Game của mình sử dụng hết.

Một lúc sau D về hỏi H có rút được tiền trong tài khoản không thì được H cho biết đã rút được 2.000.000 đồng nhưng đã chơi điện tử hết. D hỏi H có rút được tiền nữa không thì H nói cho D biết là đã hết hạn mức rút. Đồng thời, H nói cho D biết có Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 ở thôn Thượng Lát xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên là người có thể biết cách rút tiền từ tài khoản của chị Hà (Nguyễn Văn T quen biết cả H và D). Nghe H nói vậy, D sử dụng số điện thoại 0344271913 của mình gọi vào số điện thoại 0978413931 của Nguyễn Văn T thì được biết T đang chơi game ở gần nhà D, nên D đã đi xe mô tô đến đón T về nhà mình. Khi về đến nơi, D bảo Nguyễn Văn T vào bếp gặp H để trao đổi công việc (Nguyễn Văn T khai D không nói nội dung công việc cụ thể), còn D bỏ đi đâu không rõ. Sau đó,

Nguyễn Văn T đi vào trong bếp của nhà D thì gặp H và Nguyễn Kim T. Tại đây, H nói cho T biết về việc đã trộm cắp được 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank của chị Hà, trong tài khoản có số tiền 200.000.000 đồng. Đồng thời, H hỏi Nguyễn Văn T có cách nào rút tiền từ trong tài khoản này ra không, thì được Nguyễn Văn T trả lời là có. Lúc này, H đưa cho T chiếc thẻ căn cước công dân và thẻ ATM của chị Hà và chiếc điện thoại OPPO của D để Nguyễn Văn T thực hiện việc rút tiền. T sử dụng chiếc điện thoại Oppo có kết nối Internet dùng trình duyệt “Chrome” truy cập vào trang Web: [www.nganluong.vn](http://www.nganluong.vn) của Công ty Ngân lượng (ONEPLAY VIET NAM) để đăng nhập tài khoản của mình có tên là “NGUYEN VAN TUAN”, được đăng ký bằng địa chỉ Email: [wiliamvantuan@gmail.com](mailto:wiliamvantuan@gmail.com) và số điện thoại 0978413931. Sau khi đăng nhập vào ví điện tử này, Nguyễn Văn T vào phần mềm nạp tiền, nhập tất cả thông tin trên thẻ căn cước công dân và thẻ ATM của chị Hà và mã xác thực OTP được gửi đến số điện thoại của chị Hà được lắp trong máy điện thoại của H để chuyển từ tài khoản 052100609859 của chị Hà sang tài khoản Ngân hàng Ngân lượng của T số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, do hết hạn mức rút tiền trong ngày, T sử dụng địa chỉ Email: [gangon37b@gmail.com](mailto:gangon37b@gmail.com) của mình, sử dụng số điện thoại của D là 0344271913 để đăng ký thêm tài khoản mới. Bằng thủ đoạn tương tự, Nguyễn Văn T tiếp tục chuyển thêm số tiền 20.000.000 đồng từ tài khoản của chị Hà sang tài khoản Ngân lượng của mình. Sau khi chuyển được tổng số tiền 40.000.000 đồng ví Ngân lượng của mình, Nguyễn Văn T sử dụng số điện thoại 0369255588 và các thông tin cá nhân của chị Hà đăng nhập vào mạng xã hội Zalo, sử dụng ứng dụng ZaloPay liên kết với khoản Ngân hàng của chị Hà mua thẻ điện thoại nạp vào tài khoản trò chơi điện tử của mình với số tiền là 2.910.000 đồng (mua 03 lần, mỗi lần 970.000 đồng). Cũng bằng thủ đoạn này, H cũng thực hiện 08 lần chuyển tiền với tổng số tiền là 2.100.000 đồng (trong đó: 02 lần, mỗi lần chuyển 500.000 đồng; 05 lần, mỗi lần chuyển 200.000 đồng; 01 lần chuyển 100.000 đồng). Sau khi chiếm đoạt tổng số tiền là 5.010.000 đồng, T sử dụng vào việc mua thẻ chơi Game hết số tiền 1.000.000 đồng; H mua thẻ chơi Game hết số tiền là 4.010.000 đồng. Sau khi chơi Game hết số tiền 5.010.000 đồng, T tiếp tục sử dụng số điện thoại 0369255588 và thông tin cá nhân của chị Hà, liên kết tài khoản Ngân hàng của chị Hà với ví điện tử Viettel Pay của mạng Viễn thông quân đội Vietteli để mua thẻ điện thoại hết số tiền 4.010.000 đồng. Số tiền này, H đã sử dụng vào việc chơi Game hết. Trong quá trình, H và Nguyễn Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Hà thì Nguyễn Kim T ngồi chơi điện tử, không có lời nói, hành động thể hiện việc tham gia.

Đến 06 giờ ngày 11/10/2020, do tài khoản Ngân hàng của chị Triệu Thị H đã bị khóa, nên H và T không rút thêm được khoản tiền nào nữa. Cùng thời gian này D về nhà, nên H nhờ D đưa mình và Nguyễn Văn T đến thành phố Bắc Ninh chơi. Khi đi H mang theo chiếc túi xách, thẻ căn cước công dân và chiếc thẻ ATM của chị Hà. Trên đường đi, H đưa cho D 02 chiếc điện thoại trộm cắp được của chị Hà để bán trừ vào số tiền mà H nợ D trước đó. Sau khi đến thành phố Bắc Ninh, H và Nguyễn Văn T đến một quán Internet (T và H khai không nhớ rõ tên quán và địa chỉ cụ thể), T sử dụng máy tính đăng nhập tài khoản ví Ngân lượng của mình, chuyển số tiền 20.000.000 đồng ví Ngân lượng sang tài khoản số 073100743795



của T mở tại Ngân hàng Vietcombank để phục vụ cho việc chuyển khoản hoặc rút tiền mặt. Sau khi chuyển thành công số tiền này, T tiếp tục chuyển số tiền 20.000.000 đồng còn lại từ tài khoản được đăng ký bằng số điện thoại 0344271913 của D nhưng tài khoản Ngân hàng Ngân lượng của T bị phong tỏa nên T không chuyển được số tiền này. Sau đó, H và T đến một cây ATM ở khu vực thành phố Bắc Ninh (T và H khai không nhớ vị trí cụ thể) để chuyển tiền. Tại đây, H bảo T chuyển tổng số tiền 16.000.000 đồng vào tài khoản số 0731000606765 Ngân hàng Vietcombank đăng ký tên chị Nguyễn Thị H (chị Hương là vợ H nhưng H đang sử dụng thẻ ATM này); chuyển số tiền 3.000.000 đồng tài khoản là 1015330685 Ngân hàng Vietcombank của Phạm Văn K, sinh năm 1997 trú tại Thôn ĐN, xã PTh, thị xã PY, tỉnh TN và chuyển số tiền 700.000 đồng vào tài khoản là 0781000498476 Ngân hàng Vietcombank của chị Lê Thị H, sinh năm 1992 trú tại Phố 1, phường TD, thành phố TH, tỉnh TH để thanh toán tiền chơi game; T nạp số tiền 130.000 đồng vào số điện thoại 0978413931 của T để sử dụng; nạp vào số điện thoại 0983960663 của H đang sử dụng số tiền 100.000 đồng. Sau đó, H sử dụng thẻ ATM của chị Hương rút hết số tiền 16.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết số tiền này. Chiếc túi xách, 01 thẻ căn cước công dân, thẻ ATM của chị Hà, 01 chiếc sim điện thoại có số là 0369255588, 01 chiếc điện thoại di động đen trắng, H đã làm rơi trong quá trình di chuyển nên không thu hồi được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 125/KL-HĐĐG ngày 17/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Việt Yên kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus 32G giá trị 6.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 4 giá trị 4.800.000 đồng; 01 chiếc sim điện thoại Viettel giá trị **50.000 đồng**; 01 túi xách bằng vải trị giá 20.000 đồng. Tổng tài sản bị trộm cắp có giá trị là **11.370.000 đồng**.

Cơ quan điều tra đã thu giữ sao kê tài khoản Ngân hàng Vietcombank của Nguyễn Văn T, số tài khoản là 073100743795 thể hiện lịch sử giao dịch ngày 11/10/2020 như sau: chuyển 02 lần, tổng số tiền 16.000.000 đồng (01 lần 10.000.000 đồng; 01 lần 6.000.000 đồng) vào tài khoản ngân hàng Vietcombank, số tài khoản là 0731000606765 đăng ký tên chị Nguyễn Thị H; chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng VietcomBank, số tài khoản 1015330685 đăng ký tên Phạm Văn K; chuyển số tiền 700.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietcombank, số tài khoản là 0781000498476 đăng ký tên Lê Thị H; nạp tiền điện thoại số tiền 130.000 đồng vào số điện thoại 0978413931; nạp vào số điện thoại 0983960663 số tiền 100.000 đồng.

Ngày 22/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên ra Lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm yêu cầu Tập đoàn Công nghệ – Viễn thông quân đội Viettel cung cấp thông tin về chủ sở hữu, lịch sử liên lạc ngày 10 và 11/10/2020 đối với các số điện thoại 0983960663, 0396255588, 0978413931, 0344271913, có kết quả: số điện thoại 0983960663 mang tên chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 ở thôn GS, xã NS, huyện VY, tỉnh BG; số điện thoại 0978413931 mang tên Nguyễn Văn T; số điện thoại 0396255588 mang tên Triệu Thị H; số điện thoại 0344271913 mang tên Trần Hùng D, sinh năm 1977 ở thôn Nội Ninh, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên; Không tìm thấy lịch sử liên lạc, tin nhắn

trong ngày 10 và 11/10/2020 đối với các số điện thoại 0983960663, 0396255588, 0978413931, 0344271913. Về lịch sử nạp tiền ngày 11/10/2020 của số điện thoại 0983960663 đã nạp 100.000 đồng; số điện thoại 0978413931 đã nạp 130.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 96/CT-VKS ngày 09/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Xuân H về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Xuân H.

Xử phạt: Nguyễn Xuân H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2020.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn T.

Xử phạt Nguyễn Văn T từ 18 đến 24 tháng tù thời hạn tù tính từ ngay bắt thi hành án nhưng trừ đi số ngày bị cáo đã bị tạm giữ tạm giam 14/12/2020 đến ngày 11/02/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Hà 5.000.000đ; Nguyễn Xuân H bồi thường 38.390.000đ.

Ngoài ra viện kiểm sát còn đề nghị về vật chứng án phí.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo H, T xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn T đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ ngày 11/10/2020, tại nhà phòng số 301 nhà nghỉ 88 của gia đình anh Đỗ Văn B, sinh năm 1988 ở tổ dân phố Ninh Khánh, thị trấn Nền, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Xuân H có hành vi trộm cắp của chị Triệu Thị H: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus 32G giá trị 6.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 4 giá trị 4.800.000 đồng; 01 chiếc sim điện thoại Viettel giá trị 50.000 đồng; 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank và 01 thẻ căn cước công dân đều mang tên Triệu Thị H; 01 túi xách bằng vải trị giá 20.000 đồng; Số tiền mặt 1.000.000 đồng. Tổng tài sản bị trộm cắp có giá trị là 12.370.000 đồng.

Sau khi trộm cắp được số tài sản nêu trên, Nguyễn Xuân H đến nhà Trần Hùng D, sinh năm 1977 thôn NN, xã NS, huyện VY, tỉnh BG. Tại đây, H một mình sử dụng điện thoại di động liên kết tài khoản Ngân hàng của chị Hà với ví điện tử Momo để chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng; cùng Nguyễn Văn T có sử dụng điện thoại di động liên kết tài khoản Ngân hàng của chị Hà với các ví điện tử của Ngân hàng Ngân lượng; Zalo Pay; Viettell Pay để chiếm đoạt tổng số tiền 49.020.000 đồng.

Tổng số tiền, tài sản Nguyễn Xuân H chiếm đoạt của Triệu Thị H là 63.390.000 đồng. Trong đó, tổng số tiền Nguyễn Văn T chiếm đoạt của chị Triệu Thị H là 49.020.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 20.000.000 đồng trả lại cho bị hại.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ độ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*", như vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 173; Nguyễn Văn T theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về mặt chủ quan của tội phạm: Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội ra đầu thú, bị cáo H có thời gian tham gia quân ngũ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức đồng phạm gián đơn, H có vai trò chính bị cáo trực tiếp lấy tài sản sau đó cùng với bị cáo T trộm cắp tiền trong tài khoản của chị Hà Do vậy khi lượng hình cần xem xét trách nhiệm cụ thể của từng bị cáo để xử lý nghiêm minh, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm.

Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội; các bị cáo tuy có nhân thân tốt nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện, tài sản các bị cáo trộm cắp lớn, mặt khác hiện nay tình hình tội phạm “*Trộm cắp tài sản*” diễn ra trên địa bàn huyện Việt Yên ngày càng nhiều có tính chất phức tạp do vậy cần phải xử lý bị cáo bằng một mức án tương xứng cách ly bị cáo H, T một thời gian cần thiết để giáo dục riêng phòng ngừa chung như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tuy nhiên mức đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo H là cao so với hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo H dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên.

[6] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 43.390.000 đồng, tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường cho chị H, bị cáo T 5.000.000đ, H 38.390.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo H có vai trò chính được sử dụng phần lớn tài sản trộm cắp nên cần buộc bị cáo H phải bồi thường nhiều hơn bị cáo T do vậy cần buộc bị cáo T bồi thường cho chị H 5.000.000đ, H 38.390.000đ, là phù hợp với các Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 589, Bộ luật Dân sự năm 2015, để đảm bảo quyền lợi người được thi hành án cần áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Về án phí: Nguyễn Xuân H và Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại: Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật,

[10] Trần Hùng D và Nguyễn Kim T là hai đối tượng mà Nguyễn Xuân H và Nguyễn Văn T khai có hành vi giúp sức và có mặt khi H và Nguyễn Văn T thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, D là người được H nói cho biết việc trộm cắp tài sản và đi đón Nguyễn Văn T đến nhà của mình để giúp sức cho H chiếm đoạt tiền từ tài khoản của chị Hà; Nguyễn Kim T là người có mặt khi H và Nguyễn Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng cả Trần Hùng D và Nguyễn Kim T không có mặt tại địa phương, gia đình và chính quyền địa phương không biết D và Nguyễn Kim T đi đâu, làm gì. Kết quả điều tra xác định, ngoài lời khai của H không còn tài liệu nào khác chứng minh hành vi giúp sức của D đối với H; quá trình H và T thực hiện hành vi phạm tội Nguyễn Kim T có mặt nhưng không có lời nói hoặc hành động thể hiện sự giúp sức, không được hưởng lợi từ hành vi phạm tội của Nguyễn Xuân H và Nguyễn Văn T. Tài liệu chứng cứ đã được thu thập chưa đủ căn cứ để khởi tố đối với Trần Hùng D và Nguyễn Kim T về hành vi đồng phạm hoặc hành vi phạm tội khác, nên Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến Trần Hùng D và Nguyễn Kim T để tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ thì xử lý sau.



[11] Chị Nguyễn Thị H là chủ chiếc thẻ ATM mà H sử dụng để chuyển số tiền 16.000.000 đồng do phạm tội mà có, nhưng chị Hương không quản lý chiếc thẻ này, cũng không biết về hành vi phạm tội của H và đồng phạm nên chị Hương không vi phạm pháp luật.

[12] Chị Lê Thị H là người được H chuyển số tiền 700.000 đồng từ số tiền phạm tội mà có. Tuy nhiên, chị Hà khai không còn không còn sử dụng tài khoản này; không biết ai đang quản lý sử dụng tài khoản này nên cơ quan điều tra không có căn cứ để tiếp tục xác minh làm rõ.

[13] Anh Phạm Văn K là chủ thẻ ATM số 1015330685, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng anh Khiêm vắng mặt tại địa phương nên chưa làm việc được. Cơ quan điều tra tách tài liệu liên quan đến anh Khiêm ra để tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ thì xử lý sau.

[14] Chị Nguyễn Thị Thủy đứng tên đăng ký số điện thoại 0983960663. Chị Thủy xác nhận đã từng sử dụng số điện thoại này nhưng hiện nay không sử dụng nữa. Chị Thủy không quen biết H, không biết H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không vi phạm pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tổ tụng hình sự

Xử phạt: Nguyễn Xuân H 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2020.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tổ tụng hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ tạm giam từ 14/12/2020 đến ngày 11/02/2021.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Khoản 1 Điều 48, Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 589, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Triệu Thị H số tiền là 43.390.000đ cụ thể Nguyễn Văn T bồi thường 5.000.000đ (Năm triệu đồng), Nguyễn Xuân H số tiền 38.390.000đ (*Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo Nguyễn Xuân H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.919.500đ án phí dân sự sơ thẩm; Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND huyện Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Công an huyện Việt Yên (CQCSĐT+ CQTHAHS);
- Chi cục thi hành án DS huyện Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Luyện**